| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NÔNG CỐNG**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **04**/2025/HNGĐ - ST
Ngày 18 - 02 - 2025
V/v: Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Bá Hiền

2. Bà Bùi Thị Vân

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/02/2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Đoàn Công T, sinh năm 1989

ĐKHKTT: Tiểu khu H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

*2. Bị đơn*: Chị Hà Thị L, sinh năm 1991

ĐKHKTT: Tiểu khu H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(Anh Đoàn Công T và chị Hà Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2024, bản tự khai ngày 24/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đoàn Công T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2012 tại UBND xã M nay là UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã

nhiều lần hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị L không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị L.

- Về con chung: Anh và chị Hà Thị L có 02 con chung là Đoàn Hà Trung A, sinh ngày 12/02/2014 và Đoàn Hà Minh A, sinh ngày 09/7/2019. Hiện nay 2 con đang ở với chị L. Khi ly hôn anh T giao 2 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, tại Bản tự khai ngày 08/01/2025 tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, bị đơn chị Hà Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Công T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, nay là UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu nhau được hơn 2 năm thì tự nguyện đến với nhau, không ai ép buộc và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cải vã, xích mích. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh T làm đơn ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Đoàn Công T có 02 con chung là Đoàn Hà Trung A, sinh ngày 12/02/2014 và Đoàn Hà Minh A, sinh ngày 09/7/2019. Khi ly hôn chị xin nuôi 2 con. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2025 cho đến khi 2 con đủ 18 tuổi và tự lập được.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Anh Đoàn Công T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị L. Về con chung: Anh giao 2 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị Hà Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai ngày 08/01/2025.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại*

*phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã T hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc T hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và đều có đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Anh T và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M nay là UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/12/2012, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho anh T được ly hôn chị L.

+ Về con chung: Giao 2 cháu Đoàn Hà Trung A, sinh ngày 12/02/2014 và Đoàn Hà Minh A, sinh ngày 09/7/2019 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng) đến khi 2 con thành niên.

+ Về tài sản chung: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hà Thị L có địa chỉ thường trú tại tiểu khu H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên anh Đoàn Công T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đoàn Công T và chị Hà Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đoàn Công T và chị Hà Thị L dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về T trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Anh T và chị L sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ nên anh vẫn giữ quan điểm ly hôn. Đối với chị L cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T. Xét thấy anh T và chị L đã sống ly thân, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn chị L là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị L có 2 con chung là Đoàn Hà Trung A, sinh ngày 12/02/2014 và Đoàn Hà Minh A, sinh ngày 09/7/2019. Hiện nay 2 con đang ở với chị L. Khi ly hôn anh T và chị L đều thống nhất giao cả 2 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Đoàn Hà Trung A có nguyện vọng xin được ở với chị L. Xét thấy sự thỏa thuận của anh T và chị L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 2 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, anh Đoàn Công T được ly hôn chị Hà Thị L.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Đoàn Hà Trung An, sinh ngày 12/02/2014 và Đoàn Hà Minh A, sinh ngày 09/7/2019 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2025 đến khi 2 con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Đoàn Công T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Đoàn Công T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số 0005403 ngày 17/12/2024. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Anh T và chị L vắng mặt tại phiên tòa. Anh T và chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Hà**